

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	<b>Kiến trúc dân dụng &amp; Công nghiệp (Architecture)</b>
Trình độ đào tạo:	<b>Kiến trúc sư</b>
Ngành đào tạo:	<b>Kiến trúc</b>
Mã ngành:	<b>7580102</b>
Hình thức đào tạo:	<b>Chính quy</b>

### 1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học ngành Kiến trúc đào tạo những kỹ sư có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có phương pháp làm việc khoa học; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn tương đối hoàn chỉnh; có năng lực thực hành nghề nghiệp; biết vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo:

- Hiểu biết các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực kiến trúc - xây dựng; nắm vững nguyên lý cơ bản, phương pháp thiết kế kiến trúc công trình;

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về thiết kế kiến trúc các công trình thuộc thể loại dân dụng và công nghiệp;

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng để có thể tham gia tư vấn và giám sát thực hiện dự án các công trình xây dựng.

1.2.1.2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật:

- Nắm được các kiến thức chung bao gồm: nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, kiến thức về khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, tin học và ngoại ngữ;

- Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

1.2.1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc:

- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng, các phần mềm ứng dụng thiết kế kiến trúc;

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng sử dụng các phần mềm về đồ họa ứng dụng;

1.2.1.4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong mọi lĩnh vực hoạt động cụ thể:

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực hoạt động tư vấn – thiết kế kiến trúc công trình;

1.2.1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn:

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn thiết kế kiến trúc, quản lý theo nhóm.

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp:

- Tổng hợp các vấn đề liên quan đến thể loại công trình thiết kế để đưa ra giải pháp phù hợp;

1.2.2.2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác:

- Vận dụng kiến thức mở ra các cơ hội việc làm mới cho bản thân và cộng đồng;

+ Nội thất, quy hoạch, ...

+ Giám sát, ...

1.2.2.3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi:

- Có khả năng cập nhật các kiến thức mới, sáng tạo trong công việc đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

- Có khả năng đối chiếu, lập luận để đưa ra giải pháp tối ưu trong trường hợp cụ thể;

1.2.2.4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm:

- Có khả năng tổ chức, phối hợp, làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả;

- Có khả năng đánh giá tổng quan khối lượng và chất lượng công việc trong nhóm đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

1.2.2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp:

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

- Có khả năng giao tiếp với đồng nghiệp, các bên liên quan trong lĩnh vực quản lý; có khả năng thuyết trình, đóng góp, đề xuất những ý kiến trong lĩnh vực kiến trúc - xây dựng;

1.2.2.6. Ngoại ngữ: *Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam*

- Sử dụng tiếng Anh cơ bản trong giao tiếp, có kiến thức về ngoại ngữ chuyên ngành để đọc và tham khảo tài liệu;

### **1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.3.1. *Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm:*

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

- Có phẩm chất năng động, tư duy sáng tạo, nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn.

1.3.2. *Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định:*

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

- Có thể làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội;

- Có thể làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

- Có thể làm việc trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học.

**1.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân:**

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

**1.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả của hoạt động:**

- Nắm được kiến thức chung và kỹ năng về lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả của hoạt động đối với lĩnh vực tư vấn - thiết kế kiến trúc;

- Có khả năng thường xuyên học tập và nâng cao trình độ chuyên môn cũng như công tác khác;

## 2. Thời gian đào tạo: 4 năm

## 3. Tổng số tín chỉ tích lũy: 150 tín chỉ

*(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

## 4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

## 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

## 6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
7.1		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>27</b>							
7.1.1		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>13</b>							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
1	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5		1
2	POL5229	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	20		5		5	PHI5212	2
3	POL5230	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		5		5	POL5229	3
4	HID5201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		5		5	POL5230	4
5	VPL5208	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		5		5	HID5201	5
6	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5		1
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>		<b>3</b>							
6	MAT5201	Toán cao cấp A1	3	24	15			6		1
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ, tin học</b>		<b>11</b>							
7	ENG5201	Tiếng Anh cơ sở 1	4	45	10			5		1
8	ENG5202	Tiếng Anh cơ sở 2	4	45	10			5	ENG5201	2
9	INF5200	Tin học cơ sở	3	15			27	3		1
<b>7.1.4</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>5</b>							
10	PHE5208	Giáo dục Thể chất 1*	1				28	2		
11	PHE5209	Giáo dục Thể chất 2*	1				28	2		
12	PHE5210	Giáo dục Thể chất 3*	1				28	2		
13	PHE5211	Giáo dục Thể chất 4*	1				28	2		
14	PHE5212	Giáo dục Thể chất 5*	1				28	2		
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>									
15	DEF5201	Giáo dục Quốc phòng – an ninh*	<b>165 tiết</b>							
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>123</b>							
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>		<b>7</b>							
16	MAT52106	Hình học họa hình (Bài tập lớn)	4	36	20			4		1
17	ARC5284	Vẽ kỹ thuật (Bài tập lớn)	3	24	15	3		3	MAT52106	2
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>16</b>							
18	ARC5243	Cơ sở kiến trúc (Bài tập lớn)	3	27	6	3	6	3	MAT52106	2
19	ARC5203	Cơ sở tạo hình kiến trúc (Bài tập lớn)	2	19	8	1		2	ARC5243	2

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
20	ARC5285	Mỹ thuật 1 (Bài tập lớn)	3	13	30	2				1
21	ARC5225	Mỹ thuật 2 (Bài tập lớn)	2	8	20	2				2
22	ARC5286	Vẽ ghi và thăm quan kiến trúc	4	6	15	12	12		ARC5225	3
23	ARC5276	Lịch sử nghệ thuật - Mỹ học - Xã hội học	2	25		5				3
<b>7.2.3</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>86</b>							
7.2.3.1	Kiến thức chung của ngành		23							
23	ARC5221	Vật lý kiến trúc (Bài tập lớn)	3	28	10	3		4	ARC5284	5
24	MEC5267	Cơ học kỹ thuật công trình	3	30	12		1	2		5
25	CST5253	Kết cấu công trình	3	30	12		1	2	MEC5267	5
26	CST5254	Kỹ thuật và tổ chức thi công	3	30	6	3	3	3		6
27	ARC5287	Kỹ thuật công trình kiến trúc (Bài tập lớn)	4	36	6		3			5
28	INT5201	Tin học đồ họa trong thiết kế kiến trúc (Bài tập lớn)	4	15	9	3	30	3	INF5200 ARC5284	4
29	ARC5263	Lịch sử kiến trúc (Bài tập lớn)	3	30	6	6		3		4
7.2.3.2	Kiến thức chuyên sâu của ngành		57							
30	ARC5288	Kiến trúc công trình ở (Bài tập lớn)	4	48	8			4		3
31	ARC5289	Kiến trúc công trình công cộng (Bài tập lớn)	4	48	8			4		3
32	ARC5290	Lý thuyết sáng tác kiến trúc (Bài tập lớn)	4	40	8	8		4	ARC5203	4
33	ARC5266	Đô thị và cảnh quan (Bài tập lớn)	3	36	6	3			ARC5286	6
34	ARC5291	Nội - Ngoại thất công trình (Bài tập lớn)	4	36	6	3				6
35	ARC5252	Cấu tạo kiến trúc (Bài tập lớn)	3	36	6	3			MAT52106	2
36	ARC5267	Kiến trúc công nghiệp (Bài tập lớn)	4	45	6	6		3		6
37	ARC5292	Quy hoạch đô thị (Bài tập lớn)	4	30	6	6		3	ARC5266	7
38	ARC5230	Đồ án dân dụng - 1 (Kiến trúc nhỏ)	2	2		14	12	2	ARC5203	2

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
39	ARC5231	Đồ án dân dụng - 2 (Nhà ở 1)	2	2		14	12	2	ARC5230 ARC5288	3
40	ARC5232	Đồ án dân dụng - 3 (Công trình công cộng 1)	2	2		14	12	2	ARC5231 ARC5289	3
41	ARC5233	Đồ án dân dụng - 4 (Nhà ở 2)	2	2		14	12	2	ARC5232	4
42	ARC5234	Đồ án dân dụng - 5 ( Công trình công cộng 2)	2	2		14	12	2	ARC5233	4
43	ARC5235	Đồ án dân dụng - 6 ( Công trình công cộng 3)	2	2		14	12	2	ARC5234	5
44	ARC5236	Đồ án dân dụng - 7 (Nhà ở 3)	2	2		14	12	2	ARC5235	5
45	ARC5239	Đồ án dân dụng - 8 ( Công trình công cộng 4)	2	2		14	12	2	ARC5236	6
46	ARC5293	Đồ án kiến trúc công nghiệp	2	2		14	12	2	ARC5239 ARC5267	6
47	ARC5256	Đồ án quy hoạch	2	2		14	12	2	ARC5239 ARC5266	7
48	ARC5250	Đồ án tổng hợp	3	3		21	18	3	ARC5256	
49	ARC5257	Đồ án thiết kế nhanh 1	1	1		2	12		ARC5233	4
50	ARC5258	Đồ án thiết kế nhanh 2	1	1		2	12		ARC5235	5
51	ARC5259	Đồ án thiết kế nhanh 3	1	1		2	8	4	ARC5239	6
52	ARC5260	Đồ án thiết kế nhanh 4	1	1		2	12		ARC5256	7
7.2.3.3	<i>Kiến thức bổ trợ tự chọn (6/12)</i>		<b>6/12</b>							
53	ARC5210	Chuyên đề 1 (Công nghiệp)	2	15	5	5		5	ARC5267	7
54	ARC5211	Chuyên đề 2 (Quy hoạch)	2	15	5	5		5	ARC5292	7
55	ARC5212	Chuyên đề 3 (Dân dụng)	2	15	5	5		5	ARC5290	7
56	ARC5273	Chuyên đề 4 (Thông gió và trang thiết bị)	2	14	5	7		4	ARC5221	7
57	ENG5220	Tiếng Anh chuyên ngành Kiến trúc	2	20	5			5		7
58	ECC5224	Kinh tế xây dựng	2	21	6	1	0	2		7
7.2.3.4	<i>Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận</i>		<b>14</b>							
59	ARC5281	Thực tập tốt nghiệp	4	6		12	36	6		8
60	ARC5294	Đồ án tốt nghiệp	10	36		45	60	9	Theo QĐ	8
	<b>Tổng cộng</b>		<b>150</b>							

(Những học phần đánh dấu \* không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học)